

BỘ TƯ PHÁP
Số: 643/QĐ-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Con nuôi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Phụ lục I). Bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại Quyết định số 2109/QĐ-BTP ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Phụ lục II).

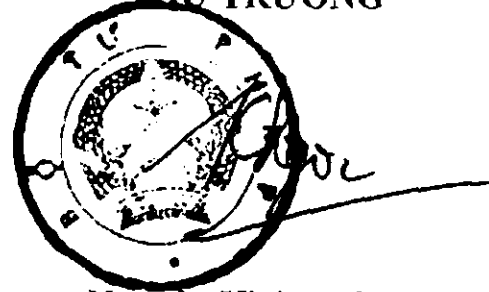
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Con nuôi, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AY/*

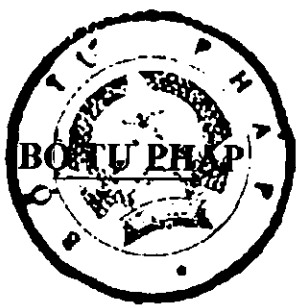
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng (để biết);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để công bố);
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, Cục Con nuôi.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Khánh Ngọc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC NUÔI
CON NUÔI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 643 /QĐ-BTP ngày 05/05/2017 của Bộ Tư pháp)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
I. Thủ tục hành chính cấp trung ương		
1	Cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)
2	Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)
3	Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)
4	Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao
5	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)
6	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)
7	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi và người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)
II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Sở Tư pháp
2	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở	Sở Tư pháp

	Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
3	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Sở Tư pháp
III. Thủ tục hành chính cấp xã		
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Ủy ban nhân dân cấp xã
3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Ủy ban nhân dân cấp xã

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Trình tự thực hiện:

- Tổ chức con nuôi nước ngoài nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp.
- Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ, phỏng vấn người dự kiến đứng đầu văn phòng tại Việt Nam; kiểm tra, đánh giá về điều kiện, năng lực chuyên môn của tổ chức và đội ngũ nhân viên của tổ chức con nuôi nước ngoài.
- Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công an cho ý kiến đánh giá về tổ chức con nuôi nước ngoài và người dự kiến đứng đầu văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
- Bộ Công an trả lời bằng văn bản cho Bộ Tư pháp.
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp giấy phép cho tổ chức con nuôi nước ngoài và thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Cục Con nuôi thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp

Thành phần hồ sơ:

- Đơn của tổ chức con nuôi nước ngoài xin phép hoạt động tại Việt Nam;
- Bản sao Điều lệ, Quy chế hoạt động hoặc văn bản thành lập tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Bản sao giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức được thành lập cấp, cho phép tổ chức được hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam hoặc lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế;

- Báo cáo tình hình hoạt động trong lĩnh vực con nuôi quốc tế trong 03 năm gần nhất, bao gồm cả tình hình thu, chi tài chính về con nuôi quốc tế, không vi phạm pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức được thành lập xác nhận; trường hợp đã hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, thì phải có báo cáo về tình hình hoạt động tại Việt Nam do người đứng đầu tổ chức con nuôi nước ngoài ký và đóng dấu;

- Báo cáo đánh giá về sự hiểu biết của các nhân viên xã hội và nhân viên pháp lý làm việc tại tổ chức con nuôi nước ngoài về các lĩnh vực pháp luật, văn hóa, xã hội của Việt Nam và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi;

- Lý lịch cá nhân, phiếu lý lịch tư pháp (được cấp chưa quá 06 tháng), bản sao văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người đứng đầu tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Lý lịch cá nhân, phiếu lý lịch tư pháp (được cấp chưa quá 06 tháng), bản sao văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và văn bản của tổ chức chấp thuận cử người đó làm người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ

Thời hạn giải quyết:

- Cục Con nuôi thẩm tra hồ sơ: 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Bộ Công an có văn bản trả lời: 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Tư pháp.

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cấp Giấy phép: 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ Công an.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Bộ Công an.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức con nuôi nước ngoài.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin cấp Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, mẫu TP/CN-2011/CNNNg.08.a.

Lệ phí (nếu có): 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng)/lần cấp phép.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam:

- + Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài; nếu là công dân Việt Nam thì không thuộc diện công chức, viên chức theo quy định của pháp luật;
 - + Có đạo đức tốt;
 - + Không có tiền án, tiền sự, không thuộc diện bị cấm xuất cảnh, nhập cảnh;
 - + Hiểu biết về pháp luật, văn hóa, xã hội Việt Nam liên quan đến nuôi con nuôi và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi;
 - + Một người chỉ được đứng đầu một Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
- Đối với tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam:
- + Được thành lập và hoạt động hợp pháp, phi lợi nhuận trong lĩnh vực nuôi con nuôi trên lãnh thổ của nước là thành viên của điều ước quốc tế về nuôi con nuôi mà Việt Nam là thành viên;
 - + Được cơ quan có thẩm quyền về nuôi con nuôi của nước nơi thành lập cho phép hoạt động trong lĩnh vực nuôi con nuôi tại Việt Nam;
 - + Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực con nuôi quốc tế liên tục từ 03 năm trở lên, không vi phạm pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền của nước đó xác nhận;
 - + Có đội ngũ nhân viên công tác xã hội và pháp lý hiểu biết về pháp luật, văn hóa, xã hội của Việt Nam và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi;
 - + Người đại diện của tổ chức tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về đạo đức, chuyên môn về lĩnh vực nuôi con nuôi.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;
- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày

27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu con nuôi;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thủ tục Gia hạn giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Trình tự thực hiện:

- Tổ chức con nuôi nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép hoạt động tại Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp;

- Cục Con nuôi thẩm định hồ sơ; kiểm tra hoạt động của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; đánh giá lại năng lực chuyên môn của tổ chức con nuôi nước ngoài, nếu thấy cần thiết;

- Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Công an cho ý kiến đánh giá về tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Bộ Công an trả lời bằng văn bản cho Bộ Tư pháp;

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định gia hạn Giấy phép; thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý. Trường hợp từ chối gia hạn Giấy phép, Cục Con nuôi thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin sửa đổi, gia hạn giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

- Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

- Báo cáo hoạt động của tổ chức tại Việt Nam.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Cục Con nuôi thẩm tra hồ sơ: 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

- Bộ Công an có văn bản trả lời: 15 ngày, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị của Bộ Tư pháp;

- Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định gia hạn Giấy phép: 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Bộ Công an.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

Cơ quan phối hợp : Bộ Công An.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức con nuôi nước ngoài.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, mẫu TP/CN-2011/CNNNg.08.b.

Lệ phí (nếu có): 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng)/lần gia hạn.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động về nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;
- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu con nuôi;
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.
- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

3. Thủ tục Sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Trình tự thực hiện:

- Tổ chức con nuôi nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị sửa đổi giấy phép tại Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp.

- Cục Con nuôi thẩm định hồ sơ:

* Trường hợp tổ chức con nuôi nước ngoài thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở chính tại nước nơi tổ chức được thành lập, thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam:

+ Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho ghi nội dung thay đổi vào Giấy phép;

+ Cục Con nuôi thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý.

* Trường hợp tổ chức con nuôi nước ngoài thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam:

+ Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng đề nghị Bộ Công an cho ý kiến về việc thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

+ Bộ Công an có ý kiến bằng văn bản;

+ Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định cho phép thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và thông báo cho Bộ Công an, cơ quan thuế có thẩm quyền để phối hợp quản lý. Trường hợp không chấp nhận người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, Cục Con nuôi thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức con nuôi nước ngoài.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài.
- Bản chính Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.
- Lý lịch cá nhân; Phiếu lý lịch tư pháp; Bản sao văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi tại Việt Nam và Văn bản của tổ chức chấp thuận cử người đó làm người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam (Đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam).

Số lượng hồ sơ:

- 01 bộ đối với trường hợp thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở chính tại nước nơi tổ chức được thành lập, thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

- 02 bộ đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở chính tại nước nơi tổ chức được thành lập, thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề

ngộ ghi chú thay đổi, Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho ghi chú nội dung thay đổi vào Giấy phép.

- Đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam:

+ Cục Con nuôi thẩm định hồ sơ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;

+ Bộ Công an có văn bản trả lời: 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bộ Tư pháp;

+ Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định sửa đổi Giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn trả lời của Bộ Công an.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Bộ Công an.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức con nuôi nước ngoài.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn xin sửa đổi, gia hạn giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, mẫu TP/CN-2011/CNNNg.08.b.

Lệ phí: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép hoạt động nuôi con nuôi nước ngoài của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam thì người dự kiến đứng đầu văn phòng con nuôi nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

+ Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài; nếu là công dân Việt Nam thì không thuộc diện công chức, viên chức theo quy định của pháp luật;

+ Có đạo đức tốt;

+ Không có tiền án, tiền sự, không thuộc diện bị cấm xuất cảnh, nhập cảnh;

+ Hiểu biết về pháp luật, văn hóa, xã hội Việt Nam liên quan đến nuôi con nuôi và pháp luật quốc tế về nuôi con nuôi;

+ Một người chỉ được đứng đầu một Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu con nuôi;

- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

4. Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Trình tự thực hiện:

- Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Cơ quan đại diện ở nước ngoài nơi người nhận con nuôi hoặc người được nhận làm con nuôi tạm trú. Trường hợp người nhận con nuôi tạm trú tại nước không có Cơ quan đại diện, thì nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện ở nước ngoài nơi họ thấy thuận tiện nhất;

- Cơ quan đại diện kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan. Trường hợp hồ sơ nuôi con nuôi không rõ ràng, cần yêu cầu cơ quan trong nước kiểm tra, xác minh, Cơ quan đại diện có văn bản kèm bản chụp hồ sơ gửi Cục Con nuôi, đồng thời gửi Cục Lãnh sự, yêu cầu xác minh;

- Cơ quan đại diện ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho các bên;

- Người nhận con nuôi nhận Giấy chứng nhận đăng ký nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện (nhận tại Lễ giao nhận con nuôi).

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi;

- Bản sao Hộ chiếu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế ;
- Phiếu lý lịch tư pháp - có thể do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi tạm trú cấp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe - có thể do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi tạm trú cấp;
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế
- có thể do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người xin con nuôi tạm trú cấp.

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Thời gian cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;
- Thời gian cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: 20 ngày, kể từ khi lấy ý kiến của những người liên quan;
- Trường hợp cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài yêu cầu cơ quan trong nước xác minh thì thời gian cơ quan trong nước tiến hành xác minh là 30 ngày, kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nơi tạm trú của người được nhận làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi hoặc tại Cơ quan đại diện nào thuận tiện nhất đối với họ (trong trường hợp cả hai bên tạm trú ở nước không có Cơ quan đại diện).

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Cơ quan phối hợp: Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp, Cục Lãnh sự thuộc Bộ Ngoại giao.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân người xin nhận con nuôi

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhận con nuôi (dùng cho trường hợp nuôi con nuôi trong nước), mẫu TP/CN-2014/CN.02;
- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.06.

Lệ phí: 150 đô la Mỹ/trường hợp.

- Mức lệ phí được quy đổi ra đồng tiền của nước sở tại theo tỷ giá bán ra của đồng đô la Mỹ do ngân hàng nơi cơ quan đại diện Việt Nam ở nước đó mở tài khoản công bố.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Người được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:

- Dưới 16 tuổi hoặc từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc một trong các trường hợp được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi; được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;
- Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;
- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

5. Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi

Trình tự thực hiện:

- Công dân Việt Nam ở trong nước nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp để được xem xét, cấp giấy xác nhận đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi;
- Bộ Tư pháp xem xét, cấp giấy xác nhận người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 60 ngày.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Tư pháp.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.02;
- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.06.

Lệ phí: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Người xin nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

6. Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em

Trình tự thực hiện:

- Cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách trẻ em:
 - + Trường hợp thuộc Danh sách 1 thì gửi Sở Tư pháp thông báo tìm gia đình thay thế cho trẻ em;
 - + Trường hợp thuộc diện Danh sách 2 thì gửi kèm hồ sơ của trẻ em xin ý kiến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và chuyển danh sách tới Sở Tư pháp sau khi có ý kiến đồng ý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để Sở Tư pháp gửi Cục Con nuôi;
 - Cục Con nuôi đề nghị các Văn phòng con nuôi nước ngoài hỗ trợ tư vấn tâm lý, ngôn ngữ và các điều kiện cần thiết khác cho trẻ em lớn tuổi; hỗ trợ khám sức khỏe chuyên sâu, chăm sóc y tế và tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em (thuộc diện Danh sách 2);
 - Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam nộp hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em thuộc diện:
 - + Danh sách 2 theo văn bản chấp thuận (nêu trên) của Cục Con nuôi;
 - + Danh sách 1 theo Quyết định của Cục Con nuôi về việc phân bổ hồ sơ cho các Văn phòng Con nuôi nước ngoài;
 - Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài (đối với Danh sách 1 và Danh sách 2) chuyển hồ sơ cho Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp;
 - Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận con nuôi. Trường hợp chấp thuận hồ sơ: chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp đề nghị giới thiệu trẻ em (đối với Danh sách 1); thông báo cho Văn phòng Con nuôi nước ngoài tại Việt Nam về việc chấp thuận hồ sơ của người nhận con nuôi (đối với Danh sách 2);
- Trường hợp không chấp thuận hồ sơ, Cục Con nuôi trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản;
 - Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em và báo cáo UBND cấp tỉnh cho ý kiến (đối với Danh sách 1);
 - Trường hợp UBND cấp tỉnh chấp thuận, Sở Tư pháp chuyển cho Cục Con nuôi 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của UBND cấp tỉnh (đối với Danh sách 1). Trường hợp không chấp thuận, UBND cấp tỉnh thông báo rõ lý do bằng văn bản để Sở Tư pháp tiến hành giới thiệu lại. Trường hợp Sở Tư pháp không giới thiệu được thì gửi trả lại hồ sơ của người nhận con nuôi cho Cục Con nuôi kèm theo văn bản nêu rõ lý do;
 - Cục Con nuôi kiểm tra kết quả giới thiệu trẻ em do Sở Tư pháp giới thiệu (đối với Danh sách 1); kiểm tra kết quả tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em (đối với Danh sách 2). Nếu cần thiết, Cục Con nuôi tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý, y tế, gia đình, xã hội;
 - Trường hợp chấp thuận kết quả giới thiệu trẻ em/ tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em, Cục Con nuôi thông báo kết quả giới thiệu trẻ em/kết quả tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em cho Cơ quan con nuôi Trung

ương của nước ngoài hữu quan và người nhận con nuôi. Trường hợp không chấp thuận, Cục Con nuôi báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp để thông báo cho UBND cấp tỉnh và Sở Tư pháp;

- Văn phòng con nuôi nước ngoài gửi văn bản của người nhận con nuôi đồng ý nhận trẻ làm con nuôi và văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú tại nước đó;

- Cục Con nuôi gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp về ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và người nhận con nuôi (đối với Danh sách 1); chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi cho Sở Tư pháp (đối với Danh sách 2);

- Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho nhận con nuôi;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài;

- Sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp thông báo cho người nhận con nuôi đến Việt Nam để nhận con nuôi;

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức lễ giao nhận con nuôi;

- Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi nước ngoài.

Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ xin nhận con nuôi bao gồm:

- Đơn xin nhận con nuôi;

- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;

- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;

- Văn bản xác nhận tình trạng sức khỏe;

- Văn bản xác nhận thu nhập và tài sản;

- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân.

Các giấy tờ nêu trên do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hoá lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- *Thời gian Cơ sở nuôi dưỡng lập danh sách trẻ em:* Ngay khi tiếp nhận hoặc trong quá trình chăm sóc trẻ em.

- Thời gian nộp hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em thuộc diện Danh sách 2: Bắt đầu từ khi được Cục Con nuôi cho phép hỗ trợ chăm sóc y tế và tìm gia đình thay thế cho trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt đến khi hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày trẻ em được xác nhận đủ điều kiện làm con nuôi người nước ngoài hoặc 60 ngày trong trường hợp đặc biệt.

- Thời gian Sở Tư pháp xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài (đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 2): 7 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn thay đổi ý kiến của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ về việc cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài hoặc kể từ ngày nhận được văn bản xác minh nguồn gốc trẻ em bị bỏ rơi của Công an cấp tỉnh (trong trường hợp trẻ em bị bỏ rơi).

- Thời gian Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi (Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1): 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có ý kiến để chuyển hồ sơ cho Bộ Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi (Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

- Thời gian Bộ Tư pháp kiểm tra việc giới thiệu trẻ em thiếu trẻ em làm con nuôi (Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1): 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giới thiệu trẻ em làm con nuôi.

- Thời gian Văn phòng con nuôi nước ngoài gửi văn bản của cha mẹ nuôi đồng ý nhận trẻ em làm con nuôi và văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hữu quan về việc trẻ em sẽ được nhập cảnh và thường trú ở nước ngoài hữu quan (đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 2): 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Cục Con nuôi (hoặc 60 ngày trong trường hợp trẻ em khuyết tật hoặc mắc bệnh quá nặng, người nhận con nuôi phải có thời gian để tham vấn ý kiến của bác sỹ).

- Thời gian Cục Con nuôi thông báo cho Sở Tư pháp:

+ Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giới thiệu, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước nơi mà trẻ em được nhận làm con nuôi.

+ Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 2 : 7 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giới thiệu, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước nơi mà trẻ em được nhận làm con nuôi.

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài:

+ Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1 : 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

+ Đối với trường hợp nhận trẻ em Danh sách 2 : 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng con nuôi nước ngoài và cha mẹ nuôi nước ngoài.

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp.

Cơ quan phối hợp : Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ; Cơ quan công an tỉnh, Cơ sở trợ giúp xã hội.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.

Lệ phí, chi phí:

+ Trường hợp nhận trẻ em Danh sách 1 : 9.000.000 đồng lệ phí và 50.000.000 đồng chi phí.

+ Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo đã được quy định: 9.000.000 đồng lệ phí và được miễn nộp chi phí.

+ Trường hợp nhận 2 trẻ em là anh chị em ruột có sức khỏe bình thường: 13.500.000 đồng lệ phí và 100.000.000 đồng chi phí.

+ Trường hợp nhận 1 trẻ em lớn tuổi từ 5 tuổi (có sức khỏe bình thường) trở lên: 9.000.000 đồng lệ phí và 50.000.000 đồng chi phí.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn xin nhận nuôi con nuôi theo mẫu không đích danh – dùng cho trường hợp người nhận con nuôi nộp hồ sơ thông qua tổ chức con nuôi nước ngoài được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, mẫu TP/CN-2014/CNNNg.04.a

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- *Người xin nhận con nuôi có đủ các điều kiện sau:*

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;

+ Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;

+ Có tư cách đạo đức tốt.

- *Các trường hợp không được nhận con nuôi*

+ Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

+ Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

+ Đang chấp hành hình phạt tù;

+ Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật, mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

- Người được nhận làm con nuôi có đủ điều kiện:

+ Dưới 16 tuổi;

+ Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật nuôi con nuôi;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế;

- Thông tư liên tịch số 146/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 7 tháng 9 năm 2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi từ nguồn thu lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép của tổ chức con nuôi nước ngoài, chi phí giải quyết nuôi con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 21/2011/TT-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc quản lý văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

7. Thủ tục Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp nhận con riêng, cháu ruột làm con nuôi và người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Trình tự thực hiện:

- Người nhận con nuôi trực tiếp nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi cho Cục Con nuôi. Trường hợp có lý do chính đáng mà không thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi, người nhận con nuôi ủy quyền bằng văn bản cho người có quan hệ họ hàng, thân thích thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi hoặc gửi cho Cục Con nuôi qua đường bưu điện theo hình thức bảo đảm;

- Cục Con nuôi kiểm tra, thẩm định hồ sơ;

- Trường hợp chấp thuận hồ sơ, Cục Con nuôi chuyển hồ sơ của người nhận con nuôi về Sở Tư pháp đề nghị xác nhận trẻ em đủ điều kiện cho làm con nuôi. Trường hợp không chấp thuận, Cục Con nuôi trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do bằng văn bản;

- Sở Tư pháp trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài. Trường hợp UBND cấp tỉnh không chấp thuận thì Sở Tư pháp có văn bản báo cáo Cục Con nuôi và Cục Con nuôi trả lại hồ sơ cho đương sự và nêu rõ lý do bằng văn bản;

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch và tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp;

- Bộ Tư pháp cấp Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi nước ngoài.

Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ của người nhận con nuôi

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Văn bản cho phép được nhận con nuôi ở Việt Nam;
- Bản điều tra về tâm lý, gia đình;
- Văn bản xác nhận về tình trạng sức khỏe;
- Văn bản xác nhận về thu nhập và tài sản;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân.
- Tài liệu chứng minh thuộc trường hợp được xin đích danh, bao gồm:

+ Bản sao giấy chứng nhận kết hôn của cha dưỡng hoặc mẹ kế với mẹ đẻ hoặc cha đẻ của người được nhận làm con nuôi.

+ Giấy tờ, tài liệu để chứng minh người nhận con nuôi là cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi.

+ Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã, nơi cư trú tại Việt Nam và giấy tờ, tài liệu khác để chứng minh người nhận con nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập liên tục tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Cục Con nuôi.

Các giấy tờ nêu trên nếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được dịch sang tiếng Việt Nam và hợp pháp hoá lãnh sự tại Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng;

- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em; (trường hợp cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi thì không cần văn bản này).

Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và 01 bộ hồ sơ của người được nhận làm con nuôi.

Thời hạn giải quyết:

- Thời gian Cục Con nuôi thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Thời gian Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở tư pháp trình

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh trong trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên nhận trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhận đích danh trẻ em Việt Nam làm con nuôi, mẫu TP/CN-2014/CNNNg.04.

- Văn bản về đặc điểm, sở thích, thói quen đáng lưu ý của trẻ em, mẫu TP/CN-2014/CNNNg.05.

Lệ phí: 9.000.000đ (lệ phí), 50.000.000đ (chi phí) đối với trường hợp trẻ em thuộc Danh sách 1 và sống ở cơ sở trợ giúp xã hội.

Đối tượng được giảm 50% lệ phí đăng ký việc nuôi con nuôi: Cô, dì, chú bác nhận cháu ruột làm con nuôi; cha dượng, mẹ kế nhận con riêng làm con nuôi; trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh, chị em ruột làm con nuôi, thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài.

Đối tượng được miễn nộp chi phí: Cô, cậu, dì, chú bác nhận cháu ruột làm con nuôi; cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; người nhận trẻ em thuộc Danh sách 2 làm con nuôi.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt;
- Đáp ứng các điều kiện theo pháp luật của nước nơi người đó thường trú.

Các trường hợp không được nhận làm con nuôi:

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà,

cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau đây:

+ Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;

+ Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 15/2014/TT-BTP ngày 20 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tìm gia đình thay thế ở nước ngoài cho trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em từ 5 tuổi trở lên, hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột cần tìm gia đình thay thế;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp hồ sơ đăng ký lại việc nuôi con nuôi tại Sở Tư pháp nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây.

- Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi. Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Sở Tư pháp.

Cơ quan phối hợp: Không

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.04.

Lệ phí: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;
- Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu con nuôi;
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

2. Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Trình tự thực hiện:

- Người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Sở Tư pháp nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú;

- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan;

- Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài;

- Sở Tư pháp đăng ký việc nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch, tổ chức lễ giao nhận con nuôi tại trụ sở Sở Tư pháp.

- Trường hợp từ chối thì Sở Tư pháp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Sở Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi;

- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;

- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp.

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà

cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết:

- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Sở Tư pháp cấp tỉnh nơi thường trú của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan phối hợp: Không.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhận con nuôi (Mẫu TP/CN-2014/CN.02);

- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.06.

Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha đẻ nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha đẻ nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có tư cách đạo đức tốt.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

- Đang chấp hành hình phạt tù;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:

+ Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;

+ Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

3. Thủ tục Xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi

Trình tự thực hiện:

- Công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp để được xem xét, xác nhận đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi;

- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và xác nhận nếu người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở Sở Tư pháp.

Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trường hợp cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này);

- Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật nước láng giềng.

Số lượng hồ sơ: Không quy định.

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tư pháp.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Sở Tư pháp.

Cơ quan phối hợp : Không

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhận con nuôi (Mẫu TP/CN-2014/CN.02);
- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.06.

Lệ phí (nếu có): Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú tại khu vực biên giới làm con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Người xin nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có tư cách đạo đức tốt.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.

III. Thủ tục hành chính cấp xã

1. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước

Trình tự thực hiện:

- Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú (đối với các trường hợp thông thường) hoặc tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú (nếu là cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi hoặc có sự thỏa thuận giữa người nhận con nuôi với cha mẹ đẻ, người giám hộ của người được nhận làm con nuôi);

- Công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan;

- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào sổ hộ tịch;

- Trường hợp từ chối đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã.

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp (trường hợp cha dượng, mẹ kế hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột của người được nhận làm con nuôi thì không cần văn bản này).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;
- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:

- Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;
- Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: 20 ngày, kể từ ngày có ý kiến đồng ý của những người có liên quan (theo quy định của Điều 21 Luật nuôi con nuôi).

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi.

Cơ quan phối hợp: Không

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2014/CN.02;
- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.06.

Lệ phí: 400.000đ/trường hợp.

- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;

- Có tư cách đạo đức tốt.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

- Đang chấp hành hình phạt tù;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ điều kiện sau:

+ Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;

+ Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho người yêu cầu đăng ký lại 01 bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. Mục ghi chú của bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi và Sổ đăng ký nuôi con nuôi ghi rõ là đăng ký lại.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Thành phần hồ sơ:

Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng).

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã.

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã.

Cơ quan phối hợp: Không.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.04.

Lệ phí: Không.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;

- Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;

- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

3. Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi

Trình tự thực hiện:

- Người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới của nước láng giềng nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em được nhận làm con nuôi thường trú;

- Công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến của những người có liên quan và có văn bản gửi Sở Tư pháp kèm theo 01 bộ hồ sơ của người nhận con nuôi và của trẻ em để xin ý kiến;

- Sở Tư pháp xem xét hồ sơ xin nhận con nuôi và trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký việc nuôi con nuôi, tiến hành giao nhận con nuôi. Trường hợp Sở Tư pháp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi và nêu rõ lý do.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở UBND cấp xã, nơi trẻ em thường trú

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

- Đơn xin nhận con nuôi;
- Bản sao Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;
- Phiếu lý lịch tư pháp;
- Văn bản xác nhận về việc người nhận con nuôi có đủ điều kiện nuôi con nuôi theo quy định của pháp luật nước đó;
- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;
- Giấy khám sức khỏe;
- 02 Ảnh chụp toàn thân (Chụp mới nhất, cỡ 9cm x 12cm hoặc 10 cm x 15 cm).

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

- Giấy khai sinh;
- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;
- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;
- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;
- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 30 ngày, trong đó:

- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người có liên quan: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;
- Sở Tư pháp có ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em thường trú .

Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người được nhận làm con nuôi thường trú.

Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn xin nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2014/CN.02;
- Tờ khai hoàn cảnh gia đình của người nhận con nuôi, mẫu TP/CN-2011/CN.06.

Lệ phí: 4.500.000 đồng/trường hợp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người xin nhận con nuôi có đủ các điều kiện như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;
- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;
- Có tư cách đạo đức tốt;
- Đủ điều kiện theo quy định của pháp luật nước láng giềng.

Các trường hợp không được nhận con nuôi

- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;
- Đang chấp hành hình phạt tù;
- Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau:

+ Là trẻ em dưới 16 tuổi; là trẻ em từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc trường hợp được cha dưỡng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi;

+ Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

Căn cứ pháp lý:

- Luật nuôi con nuôi 2010;

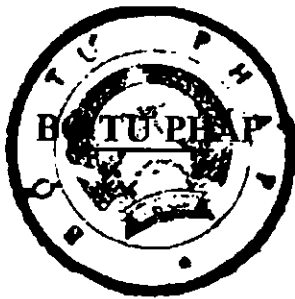
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật nuôi con nuôi;

- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi;

- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài;

- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác nuôi con nuôi và cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC II

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI TẠI
QUYẾT ĐỊNH SỐ 2109/QĐ-BTP NGÀY 30/11/2015 CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TƯ PHÁP CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
NUÔI CON NUÔI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ
TƯ PHÁP BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 643/QĐ-BTP ngày 05 tháng 05 năm 2017
của Bộ Tư pháp)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Mã số hồ sơ TTHC
I. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Cấp giấy phép hoạt động cho tổ chức nuôi con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)	B-BTP-276615-TT
2	Gia hạn giấy phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)	B-BTP-276617-TT
3	Sửa đổi giấy phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa điểm đặt trụ sở chính tại nước nơi tổ chức được thành lập, thay đổi trụ sở của Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)	B-BTP-276619-TT
4	Sửa đổi giấy phép hoạt động cho tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp thay đổi người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)	B-BTP-276621-TT
5	Đăng ký việc nuôi con nuôi tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Ngoại giao	B-BTP-276624-TT
6	Cấp giấy xác nhận người Việt Nam đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)	B-BTP-276626-TT
7	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp trẻ em có nhu cầu chăm sóc đặc biệt	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)	B-BTP-276627-TT

8	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp con riêng, cháu ruột, người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam từ 12 tháng trở lên	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)	B-BTP-276628-TT
9	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trong trường hợp thông qua thủ tục giới thiệu trẻ em	Bộ Tư pháp (Cục Con nuôi)	B-BTP-276630-TT
II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Sở Tư pháp	B-BTP-276633-TT
2	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Sở Tư pháp	B-BTP-276635-TT
3	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Sở Tư pháp	B-BTP-276637-TT
4	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Sở Tư pháp	B-BTP-276639-TT
III. Thủ tục hành chính cấp xã			
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Ủy ban nhân dân cấp xã	B-BTP-276643-TT
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Ủy ban nhân dân cấp xã	B-BTP-276644-TT
3	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Ủy ban nhân dân cấp xã	B-BTP-276649-TT
4	Đăng ký việc nuôi con nuôi thực tế	Ủy ban nhân dân cấp xã	B-BTP-276651-TT
5	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước láng giềng	Ủy ban nhân dân cấp xã	B-BTP-276654-TT